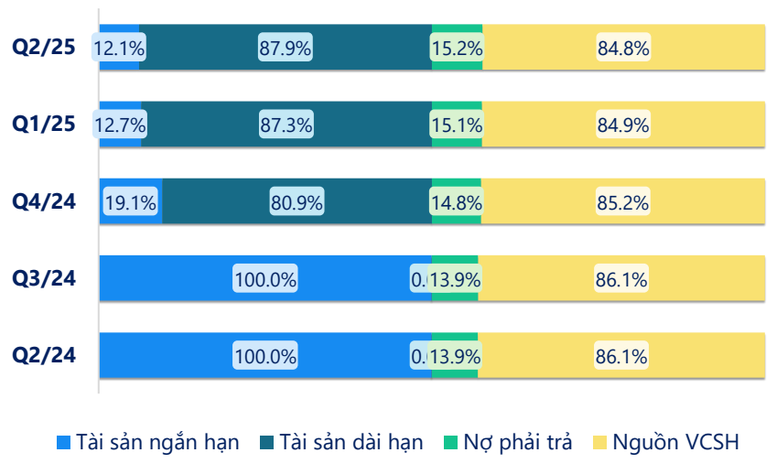
FireAnt

CTCP CNC Capital Việt Nam (UPCOM: KSQ)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	154,490
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	51
P/E	-5.4
EPS	-313

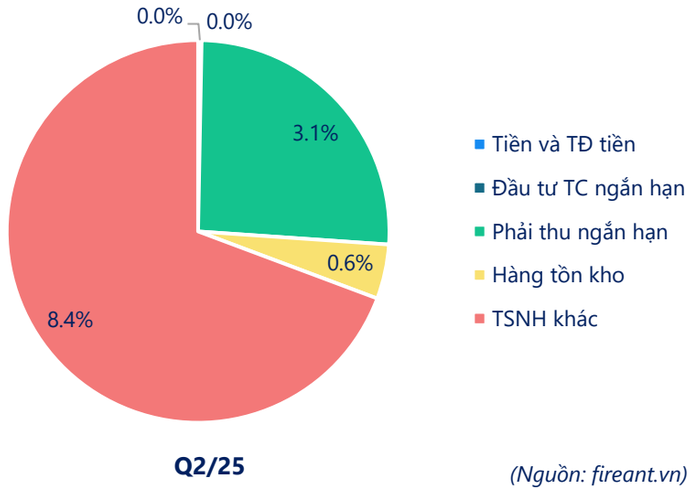
	YTD	1T	3T	6T
KSQ	-45.2%		-45.2%	-45.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



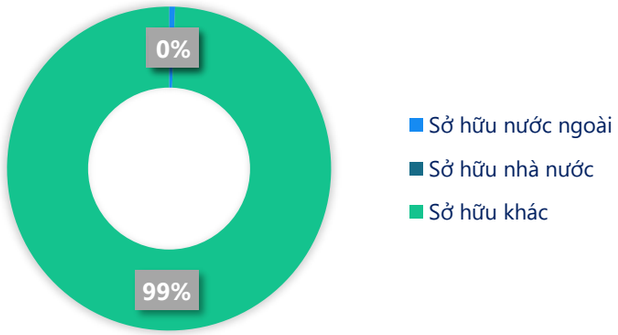
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



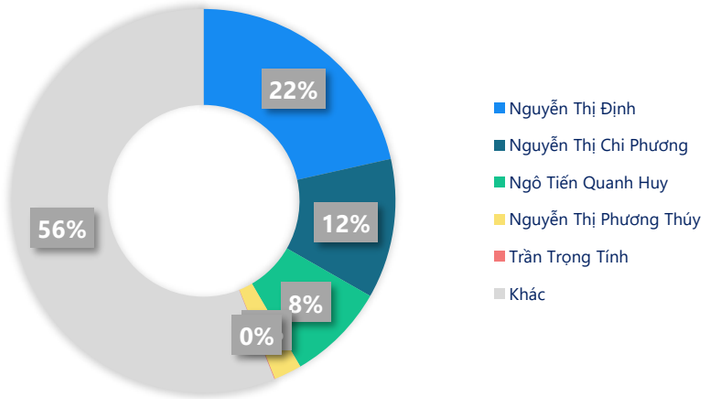
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



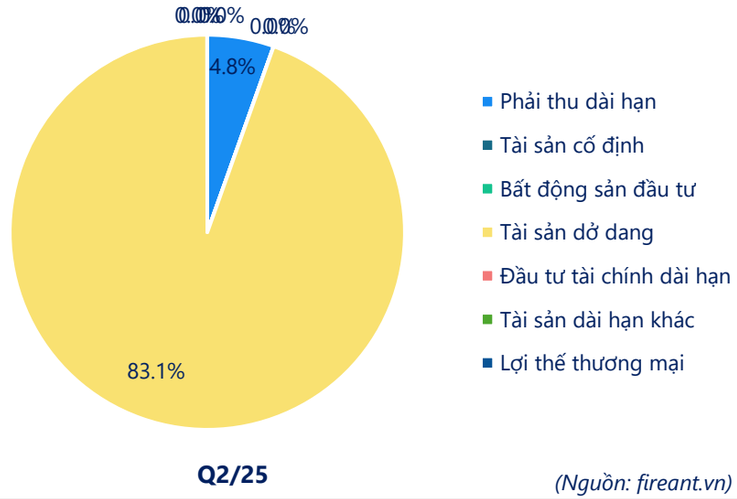
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

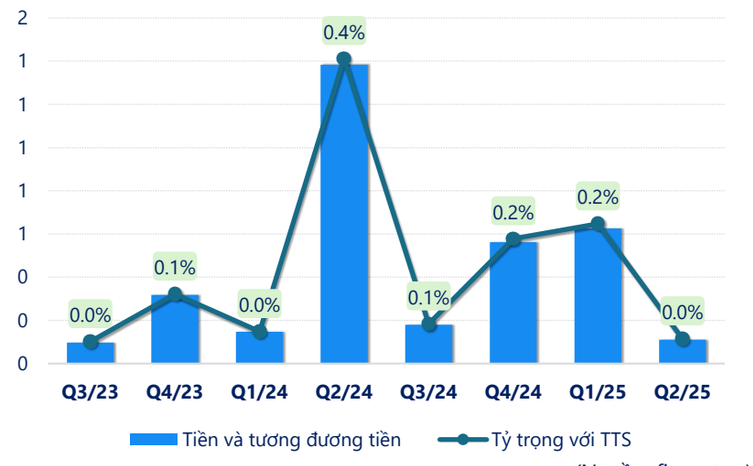


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

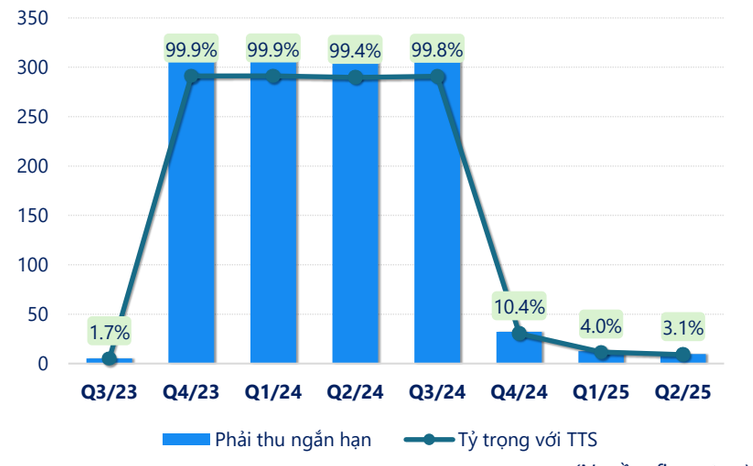
CTCP CNC Capital Việt Nam (UPCOM: KSQ)

Tiền và tương đương tiền



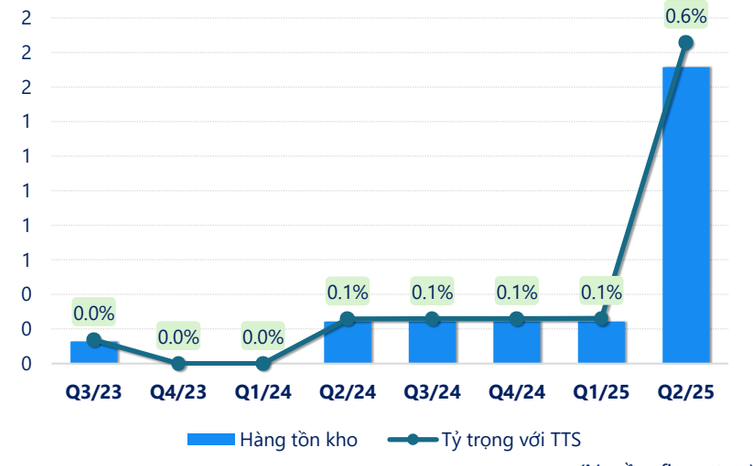
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



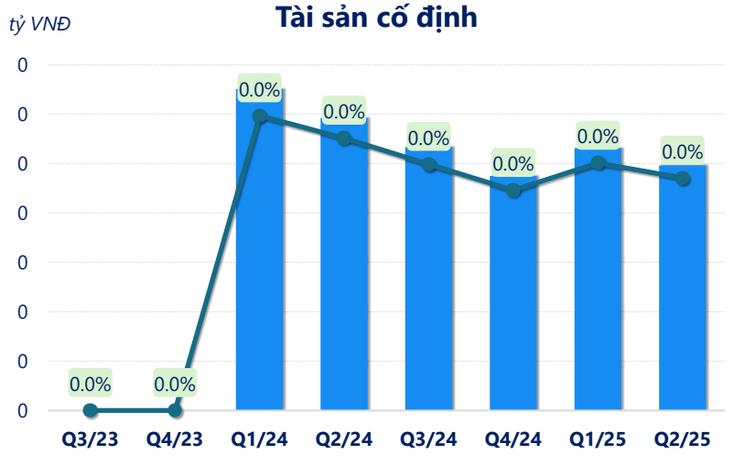
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



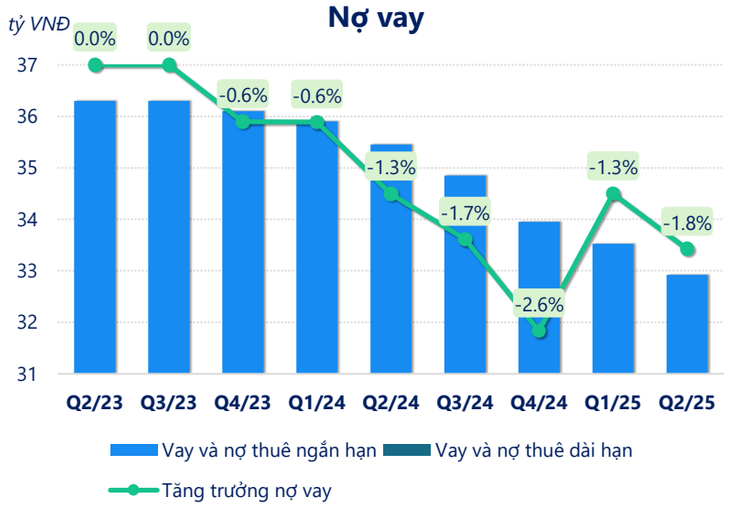
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



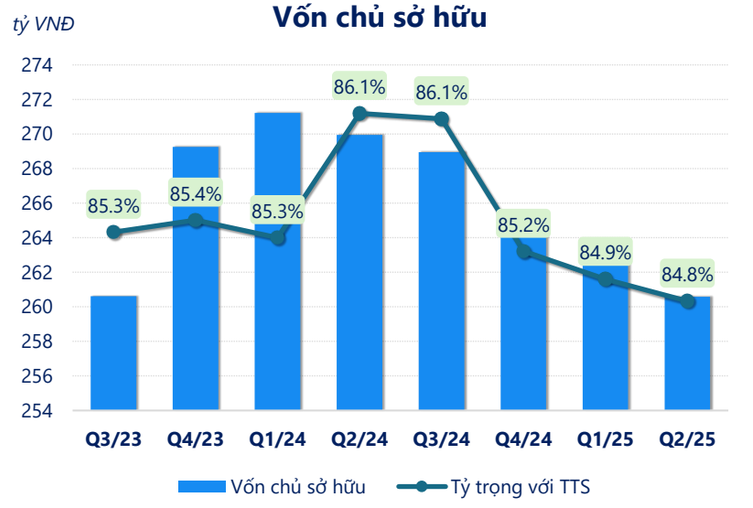
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

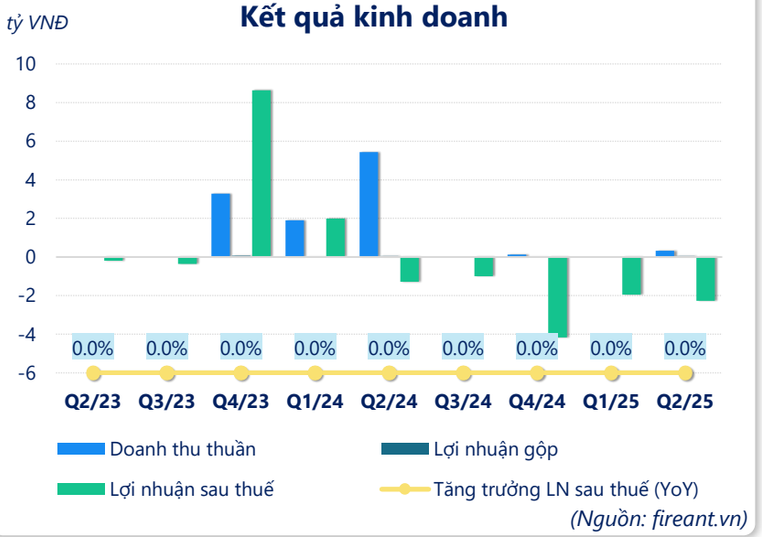


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

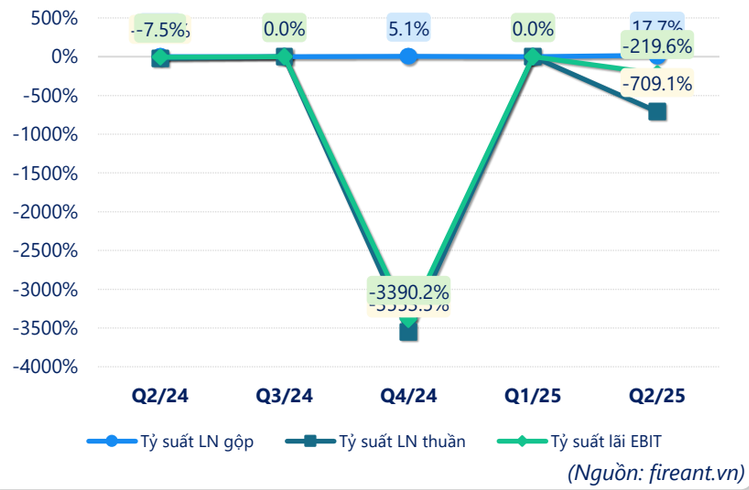
CTCP CNC Capital Việt Nam (UPCOM: KSQ)

Kết quả kinh doanh



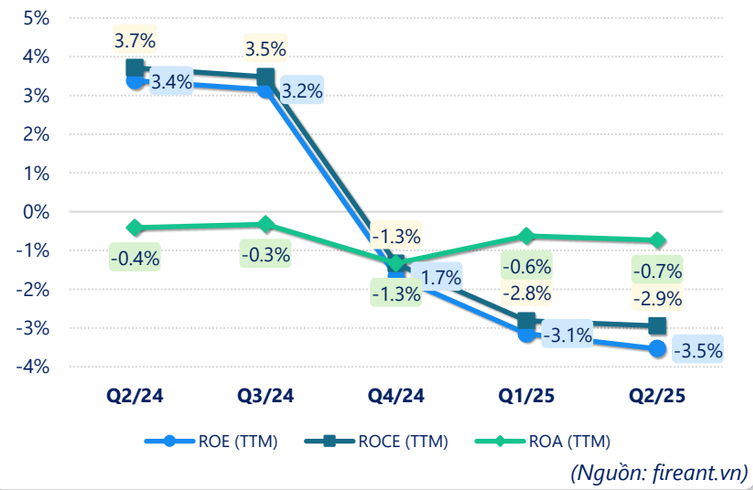
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



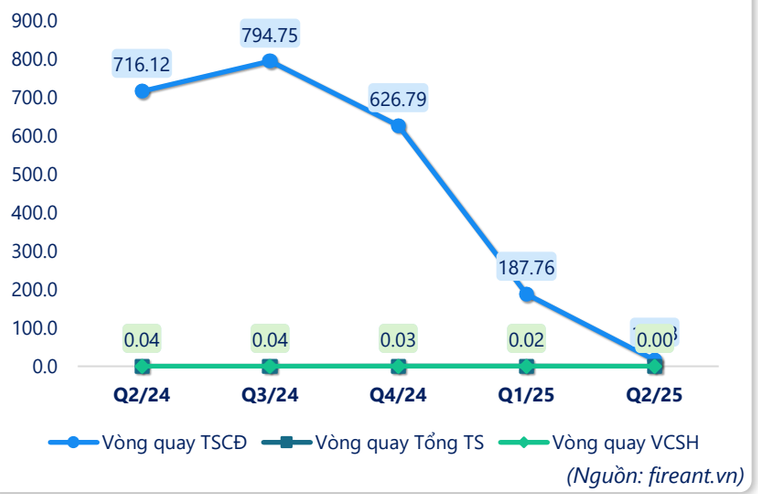
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



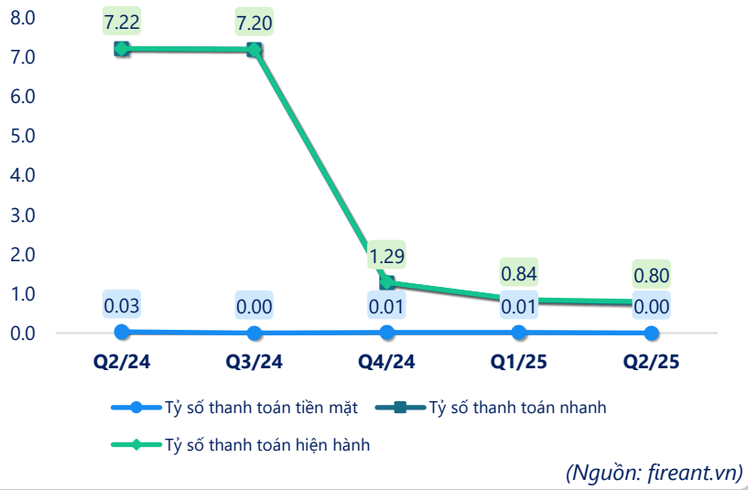
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



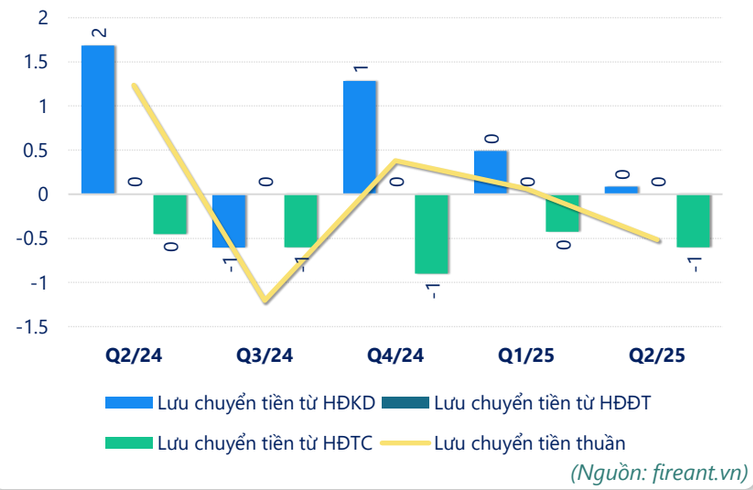
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP CNC Capital Việt Nam (UPCOM: KSQ)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**307**	**311**	**-1.2%**
Tài sản ngắn hạn	37.2	36.8	1.0%
Tiền và tương đương tiền	0.11	0.56	-80.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	9.60	9.65	-0.6%
Hàng tồn kho	1.71	0.24	606%
Tài sản ngắn hạn khác	25.8	26.4	-2.2%
Tài sản dài hạn	**270**	**274**	**-1.5%**
Phải thu dài hạn	14.7	22.6	-34.9%
Tài sản cố định	0.02	0.03	-12.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	255	252	1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.02**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	46.7	46.2	1.2%
Nợ ngắn hạn	**46.7**	**46.2**	**1.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	32.9	34.0	-3.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.61	1.59	0.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**261**	**265**	**-1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**261**	**265**	**-1.6%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	5.43	0	0.12	0	0.32
Giá vốn hàng bán	5.37	0	0.12	0	0.26
Lợi nhuận gộp	0.06	0	0.01	0	0.06
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.87	0.75	3.90	0.78	0.79
Chi phí lãi vay	0.87	0	0	0	1.57
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.46	0.25	0.46	1.17	1.54
LN thuần từ HĐKD	-1.28	-1.00	-4.36	-1.95	-2.27
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.20	0	0.00
LN trước thuế	-1.28	-1.00	-4.16	-1.95	-2.27
Lợi nhuận sau thuế	-1.28	-1.00	-4.16	-1.95	-2.27
LNST của CĐ cty mẹ	-1.28	-1.00	-4.16	-1.95	-2.27

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.69	-0.60	1.28	0.49	0.08
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.45	-0.60	-0.90	-0.43	-0.60
Tiền đầu kỳ	0.15	1.38	0.18	0.56	0.63
Lưu chuyển tiền thuần	**1.24**	**-1.20**	**0.38**	**0.06**	**-0.52**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.38	0.18	0.56	0.63	0.11

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic